

Số: 09 /2026/QĐ-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 05 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà  
- bản sửa đổi bổ sung” theo Nghị quyết số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/03/2026  
của Đại hội đồng cổ đông

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẠT PHƯƠNG SƠN TRÀ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các  
văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà;

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/03/2026 của Đại hội đồng  
cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà về việc thông qua các nội dung  
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông,

## QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm Quyết định này “Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt  
Phương Sơn Trà - sửa đổi bổ sung” theo Nghị quyết số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ  
ngày 14/03/2026 của Đại hội đồng cổ đông.
- Điều 2.** Điều lệ này sửa đổi, bổ sung và thay thế cho Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy  
điện Đạt Phương Sơn Trà đã ban hành trước đây.
- Điều 3.** Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban  
nghiệp vụ công ty, các cổ đông và những bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm  
thi hành quyết định này..  
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT.



Lương Minh Tuấn



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẠT PHƯƠNG SƠN TRÀ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 đã được sửa đổi năm 2025 và được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự năm 2022 (sau đây gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp”);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/03/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300506732 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 18/03/2026 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 5931/26 ngày 18/03/2026 do Phòng Đăng ký Kinh doanh tỉnh Quảng Ngãi cấp;
- Điều lệ này được ban hành và thông qua ngày 15/5/2026.

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Hình thức, tên gọi, trụ sở công ty**

1.1 Công ty thuộc hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.2 Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẠT PHƯƠNG SƠN TRÀ**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **DAT PHUONG SON TRA HYDROPOWER JSC**

Tên công ty viết tắt: **THỦY ĐIỆN ĐẠT PHƯƠNG SƠN TRÀ**

1.3 Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Mang Trầy, xã Sơn Tây Hạ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0255.3502224

Fax:

Email: ctcp30.4quangngai@gmail.com

Website:

**Điều 2: Ngành nghề kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Khai thác quặng sắt	0710	

	(Chi hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)		
2.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chi hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0810	
3.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392	
4.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312	
5.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện  - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê và vận hành nhà ở và đất ở; Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở; Kinh doanh bất động sản khác	6810	
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị	8299	
7.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác, tuyển rửa và phân loại cát, khoáng sản khác phục vụ chế biến sâu và xuất khẩu	0899	
8.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đá quartz nghiền, bột thạch anh được nghiền từ đá quartz; sản xuất chất khoáng phi kim loại khác để phục vụ chế biến sâu và xuất khẩu	2399	
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ	0990	
10.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất cát khuôn đúc (cát bọc nhựa), bột thạch anh, cát thủy tinh cao cấp; sản xuất nguyên liệu TFT để phục vụ chế biến sâu và xuất khẩu	3290	
11.	Xây dựng nhà để ở	4101	
12.	Xây dựng nhà không để ở	4102	
13.	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
14.	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
15.	Xây dựng công trình điện (Loại trừ: Xây dựng thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4221	

16.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
17.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
18.	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
19.	Xây dựng công trình thủy	4291	
20.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
21.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Loại trừ: Đầu giá hàng hóa)	4673	
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4672	
25.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314	
26.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo	3511	
27.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (Loại trừ: Vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3512	X
28.	Truyền tải và phân phối điện (Loại trừ: Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia)	3513	
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản các loại (trừ khoáng sản cấm và độc quyền Nhà nước)	4679	

### Điều 3: Tư cách pháp nhân

3.1 Công ty là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3.2 Công ty hoạt động theo các quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

3.3 Công ty được thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện, thành lập các công ty con và góp vốn vào các doanh nghiệp khác trong phạm vi cả nước và nước ngoài tuân theo các quy định của Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### Điều 4: Quyền của công ty

4.1 Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.

4.2 Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

4.3 Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

4.4 Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

- 4.5 Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
- 4.6 Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- 4.7 Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- 4.8 Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
- 4.9 Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
- 4.10 Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- 4.11 Quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 5: Nghĩa vụ của công ty**

- 5.1 Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
- 5.2 Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 5.3 Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- 5.4 Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 6: Nguyên tắc tổ chức, quản lý, điều hành của công ty**

- 6.1 Tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi và tôn trọng pháp luật.
- 6.2 Cơ quan quyền lực cao nhất của công ty là Đại hội đồng cổ đông, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- 6.3 Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý công ty, Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh và công tác quản lý, điều hành của công ty đảm bảo tuân thủ điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ và pháp luật.

**Chương II**

**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

**Điều 7: Vốn điều lệ và cơ cấu vốn của công ty**

- 7.1 Vốn điều lệ của Công ty là: **562.000.000.000 VNĐ** (Năm trăm sáu mươi hai tỷ đồng) được chia thành 56.200.000 (Năm mươi sáu triệu hai trăm nghìn) cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng). Mỗi cổ phần cùng loại có giá trị ngang nhau về mọi mặt.
- 7.2 Công ty có thể quyết định các loại cổ phần ưu đãi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật. Các cổ đông ưu đãi có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 7.3 Vốn điều lệ của công ty do các Cổ đông đóng góp bằng tiền Việt Nam.
- 7.4 Danh sách cổ đông sáng lập và cổ phần tại thời điểm thành lập:

STT	Tên cổ đồng sáng lập	Địa chỉ liên lạc	Quốc tịch	Số cổ phần	Loại cổ phần	Mệnh giá (đồng)
1	<b>Công ty TNHH Vạn An</b>	Lô 2A10.2 Khu Bắc Tượng Đài, đường 2/9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng		4.500.000	CP phổ thông	10.000
2	<b>Công ty TNHH 30- 4 Gia Lai</b>	609 Lê Duẩn, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai		24.750.000	CP phổ thông	10.000
3	<b>Nguyễn An</b>	468 Lê Duẩn, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Việt Nam	2.250.000	CP phổ thông	10.000

Loại tài sản góp vốn: Tiền Việt Nam Đồng.

Thời hạn hoàn thành việc góp vốn: Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

7.5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

- a Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp không kể thời gian đăng ký tạm ngừng kinh doanh và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
  - b Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
  - c Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 113 của Luật doanh nghiệp.
  - d Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu, điều kiện được ghi tại cổ phiếu cho cổ đông sở hữu cổ phần có quyền ưu đãi hoàn lại theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
- 7.6 Vốn điều lệ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh và không đem chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp công ty bị giải thể phá sản theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này.
- 7.7 Vốn kinh doanh của công ty bao gồm vốn điều lệ và các vốn khác.

- 7.8 Để đảm bảo hoạt động kinh doanh, khi có nhu cầu công ty có thể huy động vốn theo các hình thức sau: Vay vốn ngân hàng, vay các đơn vị kinh tế khác, phát hành trái phiếu hay liên doanh, liên kết, tiếp nhận vốn đầu tư, huy động vốn theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 8: Cổ đông sáng lập**

Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần. Cổ đông sáng lập có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông**

- 9.1 Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.
- 9.2 Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu như trong Điều 122 Luật doanh nghiệp.
- 9.3 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
- 9.4 Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- 9.5 Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

#### **Điều 10. Cổ phiếu và trái phiếu của công ty**

- 10.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó.
- a Về hình thức, cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu như quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu có thể là cổ phiếu ghi tên (ghi danh) hoặc cổ phiếu không ghi tên (không ghi danh).
- b Về giá trị, công ty phát hành loại cổ phiếu có mệnh giá 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng Việt Nam).
- c Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
- d Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông đề nghị cấp lại cổ phiếu phải trả phí theo quy định của Hội đồng quản trị.
- 10.2 Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng, các tổ chức khác và chào bán trái phiếu ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 10.3 Chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng là chào bán không thông qua phương tiện thông tin đại chúng cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và đáp ứng điều kiện về đối tượng mua trái phiếu riêng lẻ như sau:

- a Nhà đầu tư chiến lược đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ;
  - b Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán.
- 10.4 Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
- a Công ty đã thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã chào bán và đã đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;
  - b Có báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm phát hành được kiểm toán;
  - c Bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định pháp luật;
  - d Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính năm liền kề trước năm phát hành được kiểm toán; trừ doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;
  - e Điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan;
  - f Trình tự, thủ tục chào bán và chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ thực hiện theo Điều 129, Điều 130 Luật doanh nghiệp.

**Điều 11: Chào bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần, cổ phiếu của công ty**

- 11.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:
- a Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
  - b Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở công ty;
  - c Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, số chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 11.2 Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.
- 11.3 Khi công ty phát hành thêm cổ phần để chào bán trên thị trường chứng khoán thì thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 11.4 Trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
- a Công ty phải thông báo bằng văn bản đến cổ đông theo phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;
  - b Thông báo phải gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền

mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn theo thông báo thì cổ đông đó coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

- c Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
- 11.5 Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- 11.6 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
- 11.7 Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.
- 11.8 Cổ đông muốn chào bán, chuyển nhượng cổ phần phải làm thủ tục tại trụ sở chính của công ty. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 11.9 Thừa kế cổ phần: Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 11.10 Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
- 11.11 Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

### **Điều 12: Cổ đông của công ty**

- 12.1 Cổ đông của công ty là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu hợp pháp một hay nhiều cổ phần của công ty và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của công ty. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
- 12.2 Cổ đông có quyền cử đại diện theo uỷ quyền (bằng văn bản) đại diện cho mình thực hiện các quyền của cổ đông, tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát phù hợp quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- 12.3 Trường hợp, cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

### **Điều 13: Quyền của cổ đông phổ thông**

- 13.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
  - b Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - c Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty.
  - d Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
  - e Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.
  - f Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
  - g Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.
- 13.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây:
- a Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.
  - b Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
  - c Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
  - d Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 13.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 14: Nghĩa vụ của cổ đông**

- 14.1 Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 14.2 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 14.3 Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- 14.4 Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- 14.5 Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- 14.6 Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **Chương III**

## **MÔ HÌNH TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**

### **Điều 15: Mô hình tổ chức của công ty**

- 15.1. Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chuyên môn, Các chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc khác của công ty. Trong đó, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của công ty với thẩm quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
- 15.2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn mô hình quản lý khác theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc). Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

### **Điều 16: Người đại diện theo pháp luật của công ty**

- 16.1 Công ty chỉ có 01 (Một) người đại diện theo pháp luật.
- 16.2 Người đại diện theo pháp luật của công ty có chức danh là: Tổng Giám đốc.
- 16.3 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
- 16.4 Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 16.3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:
- a Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- 16.5 Trường hợp đối với doanh nghiệp chỉ còn một người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi,

bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

#### **Điều 17: Người quản lý và nghĩa vụ của người quản lý**

- 17.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng là người quản lý trong công ty.
- 17.2 Người quản lý công ty có các nghĩa vụ sau đây:
- a Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
  - c Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
  - e Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - f Người quản lý trong công ty chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

### **Chương IV**

## **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 18: Đại hội đồng cổ đông**

- 18.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
- 18.2 Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a Thông qua định hướng phát triển của công ty.
  - b Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
  - c Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
  - d Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
  - e Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - f Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
  - i Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
  - j Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
  - k Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
  - l Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- m Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp

**Điều 19: Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

- 19.1 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 19.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 19.3 Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - a Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  - b Báo cáo tài chính hằng năm;
  - c Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - e Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - f Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g Vấn đề khác thuộc thẩm quyền
  - h Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
    - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
    - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
    - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;
    - Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
    - Trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
- 19.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty
- 19.5 Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- 19.6 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại

khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp

- 19.7 Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
- a Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - f Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - g Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - h Công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 19.8 Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 6, 7 và 8 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.
- 19.9 Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 20. Danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 20.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 20.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 20.3 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

#### **Điều 21. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

- 21.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

- 21.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 21.3 Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
  - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 21.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 22. Mời họp Đại hội đồng cổ đông**

- 22.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- 22.2 Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.
- 22.3 Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - Phiếu biểu quyết;

#### **Điều 23. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 23.1 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
- 23.2 Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;
- 23.3 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

#### **Điều 24. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

- 24.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;
- 24.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;
- 24.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- 24.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

- 25.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- 25.2 Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- 25.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 25.4 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- 25.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- 25.6 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 25.7 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
  - a Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- b Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 25.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - a Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 25.9 Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
- 25.10 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

**Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

- 26.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
- 26.2 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
  - b Định hướng phát triển công ty;
  - c Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - d Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - e Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
  - f Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g Tổ chức lại, giải thể công ty;
- 26.3 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 5, 6 và 8 Điều này:
  - a Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
  - d Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
  - e Tổ chức lại, giải thể công ty;

- 26.4 Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- 26.5 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.
- 26.6 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
- 26.7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
- 26.8 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

**Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

- 27.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- 27.2 Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;
- 27.3 Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Mục đích lấy ý kiến;
  - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

- e Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 27.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
  - c Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- 27.5 Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - f Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- 27.6 Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 27.7 Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
- 27.8 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- 27.9 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

#### **Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- 28.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - d Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - e Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - f Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - g Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - h Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký;
- 28.2 Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 28.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 28.4 Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 28.5 Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 28.6 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
- 28.7 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### **Điều 29. Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

- 29.1 Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
  - b Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

## **Chương V**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 30. Hội đồng quản trị công ty**

- 30.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

- 30.2 Hội đồng quản trị công ty có 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm;
- 30.3 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 30.4 Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;
- 30.5 Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- 30.6 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền được đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị.
- 30.7 Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  - b Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
  - e Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
  - f Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;
  - i Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các phòng nghiệp vụ công ty và Giám đốc các bộ phận trực thuộc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - j Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
  - k Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

- p Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 30.8 Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, tài liệu điện tử hoặc hình thức khác được Hội đồng Quản trị thông qua. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;
- 30.9 Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên;

### **Điều 31. Thành viên Hội đồng quản trị**

- 31.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
  - b Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
  - c Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- 31.2 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;
  - b Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- 31.3 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b Có hành vi gây thiệt hại đến uy tín, lợi ích của Công ty;
- 31.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp;
  - c Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 32.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu bầu như nhau, ai được số phiếu bầu cao nhất sẽ trúng Chủ tịch Hội đồng quản trị, trường hợp có nhiều hơn một người có số phiếu cao nhất bằng nhau thì sẽ bầu lại theo nguyên tắc trên chỉ trong số những người có số phiếu cao nhất đó. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

- 32.2 Chủ tịch hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
  - c Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị
  - d Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ;
  - e Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 32.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị;
- 32.4 Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
  - b Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
  - d Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

### **Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

- 33.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;
- 33.2 Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường;
- 33.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
  - d Trường hợp khác do Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty quy định.
- 33.4 Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- 33.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị;
- 33.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;
- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
- 33.7 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết
- 33.8 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;
- 33.9 Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
- Các quyết định được thông qua trong cuộc họp theo phương thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.
- 33.10 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
  - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty;
- 33.11 Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

- 33.12 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- 33.13 Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 33.14 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
- 33.15 Biên bản họp hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, đều có hiệu lực pháp lý, nếu có nội dung mâu thuẫn giữa hai biên bản thì bản tiếng Việt được lấy làm gốc. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các quyết định đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này thì biên bản này vẫn có hiệu lực.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.

## **CHƯƠNG VI**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 34. Tổng Giám đốc công ty**

- 34.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc;
- 34.2 Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao;
- 34.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
- 34.4 Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty; Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;
- 34.5 Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc Công ty:
- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
  - Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế đối với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.
  - Các tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quyết định
- 34.6 Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
- 34.7 Trách nhiệm của Tổng giám đốc:
- a Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
  - c Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
  - e Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

#### **Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc công ty**

- 35.1 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 35.2 Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- 35.3 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- 35.4 Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- 35.5 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 35.6 Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

- 35.7 Tuyển dụng lao động;
- 35.8 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 35.9 Quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
- 35.10 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.
- 35.11 Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu
- 35.12 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

### **Điều 36. Từ chức, bãi miễn Tổng Giám đốc**

- 36.1 Từ nhiệm: Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi lên Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;
- 36.2 Miễn nhiệm: Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - a Hết hạn hợp đồng đã ký với Hội đồng quản trị mà không được gia hạn;
  - b Chết, mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi nhân sự;
  - c Không đủ sức khoẻ để điều hành công việc;
- 36.3 Bãi nhiệm: Tổng Giám đốc bị hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a Không đáp ứng được các tiêu chuẩn của Giám đốc quy định tại khoản 34.5 Điều 34 của Điều lệ này;
  - b Tự ý bỏ nhiệm sở mà không được hội đồng quản trị chấp nhận;
  - c Bị truy cứu các hành vi sau đây: Buôn lậu, trốn thuế, biển thủ tài sản công quỹ của công ty, hối lộ, nhận hối lộ, lãng phí của công, lấy tài sản của công ty cho người khác;
  - d Do vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ điều hành công ty, điều lệ công ty;
  - e Không chấp hành nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nghị quyết Hội đồng quản trị;
  - f Trong quá trình điều hành gây thiệt hại cho công ty, không đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận do Hội đồng quản trị giao;
  - g Có hành vi lạm dụng vị thế ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế để thu lợi cho cá nhân, cho người mình có liên quan;
  - h Có hành vi chuyển dịch cơ hội kinh doanh của công ty cho người có liên quan, cho công ty, doanh nghiệp mà ở đó mình có lợi ích;
  - i Tiết lộ bí mật Công ty không được Hội đồng quản trị chấp thuận;
  - j Ký kết các hợp đồng bị vô hiệu gây thiệt hại cho công ty;
  - k Không thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, mẫn cán, không vì lợi ích cao nhất của công ty, của cổ đông;
  - l Sử dụng tài sản của công ty thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác;
- 36.4 Sau khi Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ngay Tổng Giám đốc mới;

## Chương VII

### BAN KIỂM SOÁT

#### **Điều 37: Ban kiểm soát của công ty**

- 37.1 Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 37.2 Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 30.6 Điều 30 Điều lệ này.
- 37.3 Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 37.4 Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát bao gồm các nội dung:
    - Giám sát sự tuân thủ các nội quy, quy chế đã ban hành;
    - Kế hoạch giám sát ghi sổ sách kế toán;
    - Giám sát đơn đốc việc lập báo cáo tài chính hàng năm;
    - Giám sát việc thực hiện các quy định về kế toán quản trị;
    - Kiểm soát đánh giá tính hợp pháp, tính hợp lý, tính khả thi của các hợp đồng kinh tế, dân sự ký giữa công ty với khách hàng;
  - b Chuẩn bị chương trình, nội dung các cuộc họp của Ban kiểm soát, chủ tọa các cuộc họp Ban kiểm soát, phân công kiểm soát viên theo yêu cầu kiểm soát thường xuyên;
  - c Khi có những vấn đề phát sinh, lập kế hoạch và tổ chức lực lượng phù hợp để kiểm tra, giám sát đột xuất;
  - d Lập kế hoạch phối hợp cộng tác chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Giám đốc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát, kiểm tra;
  - e Đề xuất các biện pháp nhằm hạn chế tối đa những thiếu sót của quy trình quản lý;
  - f Khi trưởng Ban kiểm soát vắng mặt, đi công tác xa, phải uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban để duy trì hoạt động thường xuyên của Ban kiểm soát. Trường hợp trưởng Ban kiểm soát không uỷ quyền thì các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một người trong số họ làm trưởng Ban kiểm soát.
- 37.5 Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 37.6 Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
  - b Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
  - c Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

- d Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
  - e Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan;
- 37.7 Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát; Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty;
- 37.8 Trách nhiệm của Kiểm soát viên:
- a Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
  - b Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
  - c Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - d Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 173 Luật Doanh nghiệp mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
- 37.9 Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
- 37.10 Thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật doanh nghiệp;
  - b Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 37.11 Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - d Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- 37.12 Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế. Nhiệm kỳ của thành viên thay thế trong trường hợp này là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát;

- 37.13 Trong trường hợp khuyết Trưởng ban kiểm soát, các thành viên còn lại cử một người tạm thay thế cho đến khi bổ sung đủ số thành viên Ban kiểm soát sẽ tiến hành bầu Trưởng ban Kiểm soát.
- 37.14 Trong trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

### **Điều 38 Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

- 38.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- 38.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 38.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 38.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- 38.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp
- 38.6 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- 38.7 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- 38.8 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 38.9 Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- 38.10 Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 38.11 Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 38.12 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

### **Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

C.T.C.P.\*

- 39.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
- 39.2 Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
- 39.3 Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
- 39.4 Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc;
- 39.5 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

## Chương VIII

### PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ

#### Điều 40. Cổ tức

- 40.1 Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của công ty
- 40.2 Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 40.3 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây: Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 40.4 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
- 40.5 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung theo Khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.
- 40.6 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
- 40.7 Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký

tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức

#### **Điều 41. Phân chia lợi nhuận của công ty và xử lý lỗ:**

41.1 Hàng năm, sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các Quỹ sau đây:

Các Quỹ khác bao gồm như dưới đây do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:

- Quỹ Đầu tư phát triển: Do đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.
- Quỹ Phúc lợi: Do đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.
- Quỹ Khen thưởng: Do đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.
- Quỹ dự trữ: Do đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.
- Các khoản trích lập khác theo quy định của pháp luật.

41.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

41.3 Trong trường hợp công ty bị lỗ trong kinh doanh nhưng chưa đến mức phải tuyên bố giải thể theo quy định của pháp luật, thì công ty sẽ thực hiện xử lý phần lỗ theo các giải pháp như sau:

- Lấy tiền quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ.
- Nếu tiền quỹ dự trữ không có hoặc có nhưng không đủ bù lỗ, thì phần lỗ còn lại phải chuyển sang năm sau trừ vào lợi nhuận của công ty.
- Các biện pháp khác mà pháp luật không cấm.



### **Chương IX**

#### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 42. Tài khoản ngân hàng**

- 42.1 Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 42.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền (nếu pháp luật yêu cầu), Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 42.3 Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

##### **Điều 43. Năm tài khoá:**

Năm tài khoá của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

##### **Điều 44. Hệ thống Kế toán**

- 42.1 Hệ thống kế toán công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác theo quy định của Bộ Tài chính.
- 42.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty.
- 42.3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

#### **Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu (06) tháng và hàng quý**

- 45.1 Công ty sẽ phải chuẩn bị một báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và báo cáo này phải được kiểm toán trong trường hợp pháp luật yêu cầu, trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm sẽ được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 45.2 Theo quy định của Đại hội cổ đông hoặc trong trường hợp pháp luật có quy định, công ty sẽ lập các báo cáo sáu (06) tháng và hàng quý.

### **Chương XI**

#### **TỔ CHỨC LẠI; GIẢI THỂ, PHÁ SẢN; TRANH CHẤP, TRANH TỤNG VÀ CON DẤU CỦA CÔNG TY**

##### **Điều 46. Tổ chức lại công ty**

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tổ chức lại công ty trong các trường hợp có biến động lớn hoặc trước những thời cơ, yêu cầu cấp bách. Trong trường hợp này công ty có thể được tổ chức lại dưới một trong các hình thức: Chia tách, hợp nhất với một số doanh nghiệp khác, sáp nhập với doanh nghiệp khác hoặc thực hiện chuyển đổi thành hình thức doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

##### **Điều 47. Giải thể, phá sản công ty**

- 47.1 Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
- Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể.
  - Không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật.
  - Quyết định của toà án đình chỉ hoạt động trong trường hợp công ty vi phạm pháp luật.
  - Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 47.2 Trình tự và thủ tục giải thể công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành có liên quan.
- 47.3 Trường hợp bị toà án tuyên bố phá sản, thủ tục giải quyết phá sản đối với Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
- 47.4 Thanh lý
- 47.4.1 Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.
- 47.4.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- 47.4.3 Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác đi, tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- Các chi phí thanh lý;
  - Tiền lương, trợ cấp thôi việc và chi phí bảo hiểm xã hội cho công nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà công ty phải trả cho Nhà nước, các khoản vay (nếu có) và các khoản nợ khác của công ty.
- Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ nêu trên sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

#### **Điều 48. Tranh chấp, tranh tụng**

##### 48.1 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

- Các tranh chấp nội bộ giữa Công ty với cổ đông của công ty, giữa các cổ đông của công ty với nhau liên quan đến thành lập, hoạt động, giải thể Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải.

- Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

##### 48.2 Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a Một cổ đông hay các cổ đông với công ty.

b Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý, thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải, kể cả thông qua trung gian hoà giải theo nguyên tắc sau:

- Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
- Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, các bên sẽ yêu cầu một bên thứ ba độc lập phải là luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hoà giải.

##### 48.3 Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng bốn (4) tuần kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền để giải quyết.

##### 48.4 Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền sẽ theo quy định của pháp luật.

##### 48.5 Trong trường hợp thương lượng không giải quyết được, các đương sự có thể đưa vụ tranh chấp giải quyết theo pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự.

#### **Điều 49: Quản lý và sử dụng con dấu công ty**

##### 49.1 Công ty có con dấu riêng, số lượng là 01 (một) con dấu với mẫu con dấu dạng hình tròn. Trên con dấu phải thể hiện được các thông tin: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính cấp tỉnh.

##### 49.2 Con dấu công ty có đường kính 36mm, mực dấu màu đỏ;

##### 49.3 Công ty có một mẫu con dấu thống nhất về nội dung, hình thức và kích thước, màu mực.

##### 49.4 Người đại diện theo pháp luật là người trực tiếp quản lý; sử dụng và lưu giữ con dấu công ty; đồng thời chịu trách nhiệm về việc sử dụng, quản lý và lưu giữ con dấu. Con dấu được đóng trên các tài liệu giao dịch hợp pháp của công ty.

- 49.5 Hội đồng quản trị công ty sẽ quyết định việc thay đổi số lượng, hình thức, nội dung, kích thước, màu mực của con dấu trong trường hợp có sự thay đổi về con dấu công ty.

## Chương XII

### BỔ SUNG, SỬA ĐỔI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

#### Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 50.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 50.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật mâu thuẫn với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

#### Điều 51. Ngày hiệu lực

- 51.1 Bản Điều lệ này gồm XII chương, 51 Điều, được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua.
- 51.2 Điều lệ được lập thành 02 bản gốc có giá trị như nhau.
- 51.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty, thay thế cho bản Điều lệ ban hành ngày 08/04/2022.
- 51.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc hoặc cơ quan công chứng nhà nước xác nhận mới có giá trị.
- 51.5 Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ này và Ban kiểm soát giám sát việc tuân thủ Điều lệ này./

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 5 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH GIA NỘI

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT



LƯƠNG MINH TUẤN